

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/HS-PT

Ngày: 22 - 9 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Bách.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Anh Trang.

Bà Trần Thị Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hán Thị Hồng Đào – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hòa Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 22 - 9 - 2023, tại Phòng xét xử số 2, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 66/2023/TLPT-HS ngày 11 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo Trần C và các đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 72/2023/HS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Ninh Thuận.

- Các Bị cáo có kháng cáo:

1. TRẦN C (tên gọi khác: Cường L), sinh năm: 1973, tại Phú Yên. Giới tính: Nam;

Nơi cư trú: Khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Ninh Thuận.

Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Trần S (đã chết) và bà Lê Thị T (đã chết); V là: Nguyễn Thị Mỹ T1 (Không có đăng ký kết hôn) và 02 người con; Tiền sự: Không; Tiền án:

- Tại bản án số 16/HSST ngày 05/10/2001, bị Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 28 (Hai mươi tám) tháng tù về tội: “Cướp giật tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/9/2003;

- Tại bản án số: 33/2006/HS-PT ngày 13/4/2006, bị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 06 (Sáu) năm tù về tội: “*Cướp tài sản*” ;
- Tại bản án số: 11/2007/HS-ST ngày 09/3/2007, bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 07 (Bảy) năm tù về tội: “*Cướp tài sản*”. Tổng hợp hình phạt với Bản án số: 33/2006/HS-PT. Buộc C phải chấp hành 13 (*Mười ba*) năm tù;
- Tại bản án số: 106/2014/HS-ST ngày 24/6/2014, bị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 03 (*Ba*) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội: “*Cướp giết tài sản*”. Tổng hợp hình phạt với Bản án số: 11/2007/HS-ST. Buộc C phải chấp hành 16 (*Mười sáu*) năm 06 () tháng tù.

Ngày 20/8/2020, Trần C chấp hành xong hình phạt tù tất cả các Bản án trên.

Nhân thân: ngày 27/5/2022, bị Công an thành phố T, tỉnh Ninh Thuận xử phạt vi phạm hành chính số tiền 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*) về hành vi xâm hại sức khỏe người khác và cố ý làm hư hỏng tài sản người khác.

Tạm giữ: Không; Tạm giam: 11/01/2022. Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố T.

Có mặt tại phiên tòa.

2. PHẠM THỊ MAI L1, sinh năm 1971 tại Ninh Thuận; Giới tính: Nữ;

Nơi cư trú: Thôn G, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận;

Nơi công tác: Số C đường Đ, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Thuận.

Nghề nghiệp: Giáo viên; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Con ông: Phạm Bá V1 (*đã chết*) và bà Trần Thị Đ (*đã chết*); C1 là: Nguyễn Trọng T2 và 01 người con; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, T3 giam: Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại.

Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Mai L1: Luật sư Nguyễn Văn Q, thuộc Công ty L4 - Đoàn Luật sư tỉnh Đ.

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi bản bào chữa.

3. NGUYỄN THỊ KHÁNH L2, sinh năm 1987 tại Ninh Thuận; Giới tính: Nữ.

Nơi cư trú: Thôn G, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận;

Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa; Con ông: Nguyễn T4 (*đã chết*) và bà Nguyễn Thị Kim T5; Chồng là: Nguyễn Minh P (*đã ly hôn*) và 03 người con; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không.

Bị cáo hiện đang tại ngoại.

Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Khánh L1: Ông Ngô Văn P1 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh N*

Có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại không có kháng cáo nhưng có liên quan đến kháng cáo của các bị cáo: Anh Lê Quang T6, sinh năm 1990*

Nơi cư trú: Khu phố A, phường T, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24/3/2021 Phạm Thị Mai L1 đặt cọc cho anh Lê Quang T6 100.000.000đ để hai bên tiến tới ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và xây dựng nhà.

Tuy nhiên, đến ngày 04/4/2021 L1 không muốn tiếp tục thực hiện hợp đồng và yêu cầu anh T6 trả lại số tiền 100.000.000đ đã đặt cọc. Anh Lê Quang T6 không đồng ý trả nên hai bên phát sinh mâu thuẫn.

Trong tháng 08 năm 2021, L1 gặp Nguyễn Thị Khánh L3 và kể cho L3 nghe về việc anh T6 không trả tiền cho L1. Khi nghe xong L3 nói với L1 để L3 nhờ chồng mình là Trần C đòi lại số tiền giúp cho L1 thì L1 đồng ý.

Sau khi nghe L3 kể sự việc của L1, từ ngày 19/8/2021 đến ngày 21/8/2021, Trần C cùng một số thanh niên (*Chưa rõ nhân thân, lai lịch*) đến gặp anh Lê Quang T6 chửi bới, đe dọa anh T6, cản trở việc xây dựng để nhằm đòi lại số tiền 100.000.000đ.

Khoảng 10 giờ ngày 23/8/2021, C, L3 và một số thanh niên (*Chưa rõ nhân thân, lai lịch*) tiếp tục đi đến công trình anh T6 đang xây dựng chửi bới, đe dọa, không cho công nhân xây dựng làm việc;

Nghe tin báo, anh T6 chạy đến. Thấy anh T6, C, L3 và những người đi cùng bao vây anh T6, C dùng tay đánh vào đầu anh T6, liên tục có lời nói chửi bới, đe dọa anh T6. L3 đi vào trường mầm non S2 ngay cạnh công trình, gọi L1 ra để nói chuyện với anh T6, đồng thời ép anh T6 ngồi vào bàn ghế đá gần đó, yêu cầu anh T6 viết giấy nhận nợ số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) cho L1.

L3 tiếp tục đi vào trường mầm non nói L1 đưa giấy và bút, L3 mang ra bàn ghế đá đưa cho anh T6. Khi anh T6 bắt đầu viết vào giấy thì L1 từ trường

mầm non đi ra lại bàn ghế đá tham gia cùng C, L3 liên tục dùng lời nói ép anh T6 viết giấy nhận nợ theo những nội dung mà C, L1, L3 yêu cầu. Anh Tú viết giấy nhận nợ cho L1 với nội dung: *“Tôi có nhận của chị L1 100.000.000đ tôi xin hứa sẽ trả lại cho chị L1 trong vòng 07 ngày. Hôm nay ngày 23/8/2021 đến ngày 30/8/2021. Nếu tôi không trả số tiền này tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm”*.

Sau khi anh T6 viết xong, L1 đọc lại ký họ tên vào tờ giấy này. Sau đó, cả nhóm C, L3 bỏ đi, L1 mang tờ giấy ghi nợ trên về lại trường.

Ngày 25/8/2021, anh Lê Quang T6 đã đến Cơ quan Công an trình báo vụ việc.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 72/2023/HS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần C, tên gọi khác *“Cường L”*, Phạm Thị Thị Mai L1 và Nguyễn Thị Khánh L3 phạm tội: *“Cưỡng đoạt tài sản”*.

* Áp dụng: Điểm d, e khoản 2 Điều 170; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trần C, tên gọi khác *“Cường Lác”* 03 (Ba) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 11/01/2022.

* Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 170; điểm h khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Phạm Thị Mai L1 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

* Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 170; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Khánh L3 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

* *Phần kháng cáo:*

- Ngày 07/6/2023, bị cáo Phạm Thị Mai L1 kháng cáo: cho rằng hành vi của bị cáo không cấu thành tội *“Cưỡng đoạt tài sản”*;

Tại biên bản làm việc ngày 18/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận và đơn tường trình ngày 21/8/2023, bị cáo nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo.

- Ngày 08/6/2023, bị cáo Nguyễn Thị Khánh L3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo.

- Ngày 12/6/2023, bị cáo Trần C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên kháng cáo; Bị cáo L1 thừa nhận hành vi phạm tội của mình, xin được giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo; Bị hại Lê Quang T6 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Thị Khánh L3.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo là đúng chủ thể và đảm bảo thời hạn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: bị cáo L1, bị cáo L3 đồng phạm với bị cáo Trần C về tội “Cưỡng đoạt tài sản” với vai trò đồng phạm giúp sức.

Bị cáo C có 4 tiền án, có vai trò chính, mức án 3 năm tù là tương xứng nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo C.

Bị cáo L3 là lao động chính, duy nhất, đang nuôi con bị bệnh, hộ nghèo, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L3. Không cần thiết cách ly ra khỏi xã hội, chấp nhận kháng cáo của bị cáo L3.

Bị cáo L1 nhận thức là hành vi vi phạm pháp luật, thay đổi kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhiều đóng góp cho xã hội, thân nhân có nhiều đóng góp cho ngành văn hóa tỉnh nhà theo điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; Áp dụng điều 54 BLHS giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L1 bằng bị cáo L3 và cho bị cáo L1 được hưởng án treo.

Đề nghị HĐXX phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận áp dụng Điều 355, Điều 356, 357 BLTTHS. Tuyên xử: không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Trần C; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Mai L1 và Nguyễn Thị Khánh L3. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 72/2023/HS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T theo hướng: xử phạt bị cáo Phạm Thị Mai L1 và Nguyễn Thị Khánh L3 15 tháng tù, cho hưởng án treo; Án định thời gian thử thách là 30 tháng.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

* Người bào chữa cho bị cáo L3 trình bày ý kiến:

Thông nhất quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo L3 có hoàn cảnh khó khăn, nuôi con nhỏ đang bị bệnh, hộ nghèo. Không cần thiết cách ly ra

khỏi xã hội mà cho hưởng án treo.

* Bài bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Mai L1:

Hoàn toàn đồng ý với tội danh mà Tòa án nhân dân thành phố T đã xét xử. Về hình phạt bản án đã tuyên 03 năm tù giam là quá nghiêm khắc.

Đến này, bị cáo nhận thấy hành vi của mình là có phạm tội, thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại và thiệt hại không lớn. Bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, bị hại xin bãi nại, rút đơn tố cáo, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Gia đình và bị cáo chấp hành tốt nghĩa vụ công dân tại địa phương, có nhiều giấy khen trong công tác giáo dục.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất tại khoản 2 Điều 170 BLHS.

Bị cáo L1 có đủ điều kiện được hưởng án treo: có nhận thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, chủ cơ sở mầm non, tạo nhiều việc làm cho nhiều lao động. Đề nghị xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

- Các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo Trần C: xin được giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Phạm Thị Mai L1: nhận thức sai lầm về hành vi của mình, xin được giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

Bị cáo Nguyễn Thị Khánh L3: đề nghị xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: các bị cáo Trần C, Phạm Thị Mai L1, Nguyễn Thị Khánh L3 kháng cáo đúng quy định tại các Điều 331, 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo L1: luật sư Nguyễn Văn Q vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ, đã có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi trước bài bào chữa và bị cáo L1 đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa. Xét thấy: sự vắng mặt của người bào chữa cho bị cáo L1 không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo Điều 291 BLTTHS.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, có đủ căn cứ xác định:

Do tranh chấp tiền đặt cọc để thực hiện Hợp đồng mua bán nhà và quyền sử dụng đất giữa Phạm Thị Mai L1 với anh Lê Quang T6, để đòi lại tiền đặt cọc nên ngày 23/8/2021, tại khu K thuộc khu phố E, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Thuận, Phạm Thị Mai L1 cùng với Trần C, tên gọi khác “*Cường Lác*”, Nguyễn Thị Khánh L3 và một số đối tượng khác đã có hành vi chửi bới, đe dọa, uy hiếp tinh thần, buộc anh Lê Quang T6 viết giấy nhận nợ số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) nhằm chiếm đoạt số tiền này. Riêng bản thân Trần C đã tái phạm chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Trần C, Phạm Thị Mai L1, Nguyễn Thị Khánh L3 về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” với tình tiết định khung hình phạt là “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000đ đến dưới 200.000.000đ*” và “*Tái phạm nguy hiểm*” theo điểm d, e khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo thể hiện sự càn quấy, bất chấp pháp luật, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang lo lắng cho người bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự của địa phương nên cần xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục đối với bị cáo và có tác dụng phòng ngừa chung.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo:

[3.1] Kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần C:

Bị cáo Trần C là người có nhiều tiền án, khi được Nguyễn Thị Khánh L3 (người sống chung như vợ chồng với C) nhờ, bị cáo đã trực tiếp thực hiện các hành vi chửi bới, đe dọa, gây sức ép nhằm buộc anh Lê Quang T6 phải viết giấy nhận nợ của bị cáo Phạm Thị Mai L1 nên phải đánh giá là bị cáo đầu vụ.

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ và đánh giá đúng vai trò chính của bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có cha (T) được tặng thưởng huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhì, quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Mức hình phạt 03 năm tù là mức khởi điểm của khoản 2 Điều 179 BLHS (hình phạt từ 3 – 10 năm tù), khi bị cáo có 02 tình tiết định khung tăng nặng là đã xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới mà chỉ nêu hoàn cảnh gia đình khó khăn để làm căn cứ kháng cáo là không phù hợp và không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị Khánh L3:

Bản thân bị cáo L3 không có quen biết với bị hại Lê Quang T6 nhưng khi nghe bị cáo Phạm Thị Mai L1 nói về việc tranh chấp tiền đặt cọc với anh T6, do có quan hệ họ hàng với bị cáo L1 nên đã nhờ bị cáo Trần C đòi tiền giúp, bị cáo L3 tiếp nhận ý chí và hành động từ bị cáo C. Vai trò của bị cáo là đồng phạm giúp sức.

Tuy nhiên: hành vi phạm tội của bị cáo chưa gây thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, thuộc diện hộ nghèo, có 01 con mới mất do dịch bệnh C2 – 19. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Do bị cáo L3 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS nên áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Mức hình phạt 15 tháng tù là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, xét bị cáo L3 là phụ nữ, có vai trò thứ yếu trong vụ án, có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, hoàn cảnh gia đình khó khăn, hộ nghèo, là lao động chính đang nuôi con bị bệnh, bị cáo tham gia đồng phạm giúp sức vì tình cảm gia đình, không được hưởng lợi gì từ hành vi phạm tội; Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, xin cho bị cáo được hưởng án treo nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao về địa phương quản lý, giáo dục cũng đủ để cải tạo đối với bị cáo và việc cho bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội quy định tại Điều 2 Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo”, tại Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-TANDTC ngày 07-9-2022;

Hội đồng xét xử, chấp nhận kháng cáo của bị cáo; Giữ nguyên mức hình phạt 15 tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

[3.3] Kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo của bị cáo Phạm Thị Mai L1:

Bị cáo L1 là người đang có tranh chấp tiền đặt cọc trong hợp đồng mua bán nhà, đất với Lê Quang T6 nên khi được bị cáo Nguyễn Thị Khánh L3 nói nhờ Trần C đòi lại tiền đặt cọc, bị cáo đã đồng ý. Bản thân bị cáo không thuê, mượn, trả công hay tham gia về quá trình chửi bới, đe dọa dùng vũ lực cùng với Trần C.

Cấp sơ thẩm đánh giá bị cáo Phạm Thị Mai L1 có vai trò là người khởi xướng, rủ rê và xúi giục các bị cáo C và L3 là chưa phù hợp, vai trò của bị cáo chỉ là đồng phạm thứ yếu.

Quá trình điều tra, cũng như phiên tòa sơ thẩm, do chưa nhận thức đúng quy định của pháp luật nên bị cáo không nhận tội. Tuy nhiên, tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo có nhận thức đúng, thừa nhận hành vi phạm tội của mình, tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hành vi phạm tội của bị cáo chưa gây thiệt hại nên có đủ căn cứ giảm hình phạt của bị cáo cho tương xứng với vai trò của bị cáo.

Xét bị cáo L1 là phụ nữ, là giáo viên, có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, quá trình sinh sống làm việc có nhiều đóng góp cho xã hội được chính quyền địa phương xác nhận và các tổ chức (Tập chí Việt Nam hội nhập, Viện ứng dụng khoa học tâm lý – giáo dục Đồng Tháp, Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, Ủy ban nhân dân xã P, huyện N) ghi nhận, số tiền được ghi nhận trong giấy nhận nợ của bị hại Lê Quang T6 cũng là số tiền đặt cọc trong hợp đồng mua bán chưa được cơ quan có thẩm quyền giải quyết nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao về địa phương quản lý, giáo dục cũng đủ để cải tạo đối với bị cáo và việc cho bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội quy định tại Điều 2 Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo”, tại Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-TANDTC ngày 07-9-2022;

Hội đồng xét xử, chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giảm mức hình phạt, xử phạt bị cáo bằng mức hình phạt của bị cáo L3 và cho bị cáo được hưởng án treo.

[5] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Trần C không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; Các bị cáo Nguyễn Thị Khánh L3, Phạm Thị Mai L1 được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần C;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Thị Mai L1, Nguyễn Thị Khánh L3.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2023/HS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận về phần hình phạt đối với các bị cáo Phạm Thị Mai L1, Nguyễn Thị Khánh L3.

- Tuyên bố: các bị cáo Trần C (tên gọi khác: Cường Lác), Phạm Thị Mai L1, Nguyễn Thị Khánh L3 phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” .

- Áp dụng: điểm d, e khoản 2 Điều 170; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần C (tên gọi khác: Cường Lác) 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/01/2022.

- Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 170; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt:

1. Bị cáo Phạm Thị Mai L1 15 (Mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm: ngày 22/9/2023.

2. Bị cáo Nguyễn Thị Khánh L3 15 (Mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm: ngày 22/9/2023.

Giao các bị cáo Phạm Thị Mai L1 Nguyễn Thị Khánh L3 cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án Hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

- Về án phí: bị cáo Trần C phải nộp 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Phạm Thị Mai L1, Nguyễn Thị Khánh L3 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (22 - 9 - 2023).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tp. Phan Rang - Tháp Chàm;
- TAND tp. Phan Rang - Tháp Chàm (02 bản);
- Công an tp. Phan Rang - Tháp Chàm;
- Chi cục THADS tp. Phan Rang- Tháp Chàm;
- PV 27;
- Sở Tư pháp (kèm án sơ thẩm);
- Bị cáo; Bị hại;
- Phòng KTNV-THA; HCTP;
- Lưu: án văn, hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lâm Bách